

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 07 - 02 - 2025

V/v hôn nhân gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu Hà và bà Nguyễn Thị Thơ.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 201/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐ – HPT ngày 20/01/2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phan Văn T1, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (Nay là xã H), huyện T vào ngày 12/11/2009. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 06/2022 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp và do mâu thuẫn với gia đình nhà chồng. Đến ngày 14/7/2022, chị về nhà mẹ đẻ, từ đó đến nay anh chị sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cùng nhau chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh Phan Văn T1 có 02 con chung là Phan Bích H, sinh ngày 13/11/2010 và Phan Ánh N, sinh ngày 16/02/2017. Hiện con chung đang ở cùng anh T1 và bố mẹ anh T1, ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Ánh N, giao cho anh Phan Văn T1 nuôi dưỡng con chung Phan Bích H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị và anh T1 không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản.

** Tại biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Phan Văn T1 trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh T1 xác nhận về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống cùng bố mẹ đẻ anh tại xã H. Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống có phát sinh mâu thuẫn do chị T chậm chạp, mỗi lần gia đình anh dạy bảo thì chị T không nghe và gia đình chị T bênh vực chị T nên đã đón chị T về từ tháng 6 năm 2022 đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ cần cả bố và mẹ chăm sóc.

- Về con chung: Từ sau khi ly thân, 02 con chung ở cùng với anh, được anh và bố mẹ anh chăm sóc, cho ăn học đầy đủ. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung là Phan Bích H, sinh ngày 13/11/2010 và Phan Ánh N, sinh ngày 16/02/2017. Nếu được nuôi con chung, anh cam kết đủ điều kiện nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về chia tài sản chung: Anh T1 xác định vợ chồng không có nợ chung và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản.

- Anh xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Tại biên bản xác minh, UBND xã H cung cấp:*

Anh Phan Văn T1 có nơi cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Về hôn nhân, anh T1 và chị T kết hôn hợp pháp tại UBND xã H. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống tại gia đình nhà chồng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, từ đó chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Phan Bích H, sinh ngày 13/11/2010 và Phan Ánh N, sinh ngày 16/02/2017. Từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân con chung do anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu được anh T1 và bố mẹ anh T1 chăm sóc tốt cho ăn học đầy đủ, sức khỏe đảm bảo. Về điều kiện nuôi con chung, cả hai anh chị đều là lao động tự do, địa phương không nắm rõ thu nhập. Riêng đối với anh T1 là người khuyết tật về thần kinh, hàng tháng được hưởng trợ cấp cho người khuyết tật, anh T1 vẫn có thể lao động nhưng chỉ làm các việc lao động đơn giản ở địa phương thu nhập không cao. Về tài sản chung, nợ chung địa phương không nắm được, tuy nhiên không có cá nhân tổ chức nào

phản ánh đến địa phương về nợ chung của anh chị. Đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Nguyễn Thị Thúy ly H1 anh Phan Văn T1; Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phan Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Bích H, sinh ngày 13/11/2010; giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng Phan Ánh N, sinh ngày 16/02/2017; Về tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Văn T1 và chị Nguyễn Thị T đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T1, chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là xã H), huyện T vào ngày 12/11/2009. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống cả hai đã phát sinh mâu thuẫn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, anh T1 không đồng ý ly hôn, nhưng không có biện pháp thuyết phục chị T về chung sống. Khi Tòa án tiến hành hoà giải anh T1 không có mặt chứng tỏ anh T1 không tha thiết việc đoàn tụ với chị T. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Phan Bích H, sinh ngày 13/11/2010 và Phan Ánh N, sinh ngày 16/02/2017. Hội đồng xét xử xét

thấy, cả hai anh chị đều chưa có nhà riêng, không được nhanh nhẹn nhưng được bố mẹ cam kết cho ở cùng và phụ giúp các anh chị nuôi con chung, nên có thể đảm bảo điều kiện tối thiểu để nuôi con chung. Tuy anh T1 và 02 con chung đều có nguyện vọng giao cho anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung nhưng anh T1 là người khuyết tật, có thu nhập thấp nên việc trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung sẽ rất khó khăn. Mặt khác, chị T hiện nay đang làm công nhân may, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các con chung cần chấp nhận nguyện vọng của chị T giao cho chị T nuôi cháu Phan Ánh N và giao cho anh T1 nuôi cháu Phan Bích H. Về cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị Thúy ly H1 anh Phan Văn T1.

2. *Về con chung:* Giao cho anh Phan Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Bích H, sinh ngày 13/11/2010; giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Ánh N, sinh ngày 16/02/2017. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị T và anh T1 có quyền thăm nom chăm sóc con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng áp phí theo biên lai thu số 0004314 ngày 22/10/2024 sang tiền án phí, chị T đã thi hành xong.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn T1 có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã Hồng Dũng (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

